

THỨ TỰ	TÊN CHỈ TIÊU	ĐƠN VỊ TÍNH	Số lượng/ tỷ lệ	Ghi chú
I	Công tác chỉ đạo điều hành CCHC			
1	Tỷ lệ hoàn thành Kế hoạch CCHC năm (Lũy kế đến thời điểm báo cáo)	%	100	Kế hoạch số 12/KH-UBND ngày 27/01/2022
	Số nhiệm vụ đề ra trong kế hoạch	%	28	
	Số nhiệm vụ đã hoàn thành	Nhiệm vụ	28	
	Số văn bản chỉ đạo CCHC đã ban hành	Văn bản	40	
2	Kiểm tra CCHC		10	
	Số phòng ban đã kiểm tra	Cơ quan, đơn vị	4	
	Số đơn vị trực thuộc đã kiểm tra	Cơ quan, đơn vị	0	
	Số UBND cấp xã đã kiểm tra	Cơ quan, đơn vị	6	
	Số vấn đề phát hiện qua kiểm tra	Vấn đề	38	
	Số vấn đề phát hiện đã xử lý xong	Vấn đề	33	
3	Tuyên truyền CCHC		150	
	Tỷ lệ thực hiện nhiệm vụ tuyên truyền theo kế hoạch	%	8.333	
	Số lượng tin, bài viết, phóng sự gửi và duyệt đăng tại Chuyên trang CCHC tỉnh (https://cchc.soctrang.gov.vn/)	Tin, bài	4	
	Số lượng tin, bài viết, phóng sự đã đăng tại Chuyên mục CCHC trên Trang Thông tin điện tử của đơn vị	Tin, bài	22	
	Có thực hiện tuyên truyền CCHC thường xuyên thông qua phương tiện truyền thông (báo, đài, website, zalo, ...)	Tin, bài	124	48 kỳ chuyên mục 120 tin bài (thông qua đài truyền thanh huyện
	Có thực hiện tuyên truyền CCHC thường xuyên thông qua các cuộc họp, hội nghị, hội thi, hội diễn,...	Có = 1 Không = 0	1	
4	Thực hiện nhiệm vụ UBND tỉnh giao		6	
	Tổng số nhiệm vụ được giao	Nhiệm vụ	6	
	Số nhiệm vụ đã hoàn thành đúng hạn	Nhiệm vụ	6	

	Số nhiệm vụ đã hoàn thành nhưng quá hạn	Nhiệm vụ	0	
5	Có sáng kiến, giải pháp mới về CCHC	Không = 0; Có = 1	1	Giảm thời gian chờ đợi trong giải quyết thủ tục hành chính trên địa bàn huyện Mỹ Tú
6	Thực hiện khen thưởng về kết quả CCHC	Không = 0; Có = 1	1	Quyết định số 4386/QĐ-UBND ngày 19/10/2022 của Chủ tịch UBND huyện Mỹ Tú về khen thưởng các cá nhân có thành tích cao tham gia Hội thi trực tuyến CCHC tỉnh năm 2022
7	Khảo sát sự hài lòng của người dân, tổ chức			
	Số lượng phiếu khảo sát	Số lượng	750	
	Hình thức khảo sát	Trực tuyến = 0 Phát phiếu = 1 Kết hợp = 2	0	
	Tỷ lệ hài lòng trong kỳ báo cáo	%	98,1	736/750 PHIẾU
6	Tổ chức đối thoại của lãnh đạo với người dân, doanh nghiệp	Có = 1 Không = 0	1	
7	Việc chấp hành Chỉ thị 10 của Chủ tịch UBND tỉnh và Chỉ thị 10, Chỉ thị 26 của Thủ tướng Chính phủ về kỷ luật, kỷ cương hành chính	Tốt = 1 Có vi phạm = 0	1	
8	Kết quả thực hiện nhiệm vụ khác (nếu có)		0	
II	Cải cách thể chế			
1	Số VBQPPL đã ban hành	Văn bản	0	
	Số VBQPPL được ban hành đúng tiến độ	Văn bản	0	
	Số VBQPPL được ban hành đúng quy trình, thủ tục theo quy định	Văn bản	0	

				Báo cáo số 14/BC-UBND ngày 14/01/2022 về Kết quả công tác kiểm tra, xử lý, rà soát văn bản quy phạm pháp luật năm 2021; ban hành Kế hoạch số 28/KH-UBND ngày 28/02/2022, về việc kiểm tra, xử lý, rà soát văn bản quy phạm pháp luật trên địa bàn huyện Mỹ Tú năm 2022.
2	Kiểm tra và tự kiểm tra, xử lý VBQPPL			
	Số VBQPPL tự kiểm tra theo thẩm quyền	Văn bản	0	
	Số VBQPPL phát hiện trái pháp luật	Văn bản	0	
	Số VBQPPL phát hiện trái pháp luật đã được xử lý	Văn bản	0	
	Số VBQPPL kiểm tra theo thẩm quyền	Văn bản	0	
	Số VBQPPL phát hiện trái pháp luật	Văn bản	0	
	Số VBQPPL phát hiện trái pháp luật đã được xử lý	Văn bản	0	
3	Rà soát VBQPPL		0	
	Số VBQPPL phải rà soát		0	
	Số VBQPPL đã rà soát	Văn bản	0	
	Số VBQPPL đã kiến nghị xử lý sau kiểm tra, rà soát	Văn bản	0	
	Số VBQPPL có kiến nghị xử lý đã được xử lý xong	Văn bản	0	
	Thực hiện công tác phổ biến giáo dục pháp luật	Không = 0; Có = 1	1	

				113/HĐPH ngày 15/02/2022, về phổ biến các luật, Nghị quyết mới được Quốc hội thông qua, triển khai một số nhiệm vụ PBGDPL sau tết Nhâm Dần 2022; - Công văn số 221/UBND-HC ngày 15/3/2022 của UBND huyện về hưởng ứng cuộc thi trực tuyến “Tìm hiểu pháp luật năm 2022”; - Công văn số 181/UBND-HC ngày 28/02/2022 của UBND huyện về hướng dẫn, đôn đốc thực hiện công tác theo dõi thi hành pháp luật trên địa bàn huyện; - Công văn số 313/UBND-HC ngày 07/4/2022 của UBND huyện về hướng dẫn thực hiện công tác phổ biến, giáo dục pháp luật; hòa giải ở cơ sở;
	Số lượng văn bản đã tuyên truyền	Văn bản	5	
III	Cải cách thủ tục hành chính			
	Kiểm soát TTHC	Không = 0; Có = 1	1	
	Số lượng TTHC thực hiện rà soát	TTHC		
1	Kế hoạch rà soát TTHC	Có = 1 Không = 0	1	09/KH-UBND, ngày 18/01/2022
	Đơn giản hóa TTHC	Không = 0; Có = 1		
	Rút ngắn thời gian giải quyết so với quy định	Thủ tục	24	Rút ngắn thời gian giải quyết thủ tục hộ tịch và chứng thực
	Giảm thành phần hồ sơ	Thủ tục		
	Khác	Thủ tục		
2	Thống kê TTHC		402	
	Số TTHC được công bố mới	Thủ tục	59	
	Số TTHC đã được bãi bỏ, thay thế	Thủ tục	23	
	Tổng số TTHC đang có hiệu lực:	Thủ tục	402	
	- Số TTHC áp dụng tại UBND cấp huyện:	Thủ tục	274	

	- Số TTHC áp dụng tại UBND cấp xã:	Thủ tục	128	
4	Có thực hiện niêm yết địa chỉ tiếp nhận phản ánh kiến nghị của cá nhân, tổ chức đối với TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết	Có = 1 Không = 0	1	
	Số lượng ý kiến đã tiếp nhận	Ý kiến	11	
	Số lượng ý kiến đã giải quyết	Ý kiến	11	
5	Thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông		274	
	Số TTHC liên thông cùng cấp	Thủ tục	274	
	Số TTHC liên thông giữa các cấp chính quyền	Thủ tục	274	
	Tỷ lệ quy trình nội bộ giải quyết TTHC đã được điện tử hóa	%	100	
6	Kết quả giải quyết TTHC			
	Số hồ sơ TTHC do UBND cấp huyện tiếp nhận	Hồ sơ	7.971	
	Số hồ sơ TTHC do UBND cấp huyện giải quyết và trả kết quả		7.376	595 Hồ sơ đang xử lý
	Số hồ sơ TTHC do UBND cấp huyện tiếp nhận được giải quyết đúng hạn	Hồ sơ	7.350	26 hồ sơ trễ hạn
	Số hồ sơ TTHC do UBND cấp xã tiếp nhận	Hồ sơ	12.653	
	Số hồ sơ TTHC do UBND cấp xã giải quyết và trả kết quả	Hồ sơ	12.641	
	Số hồ sơ TTHC do UBND cấp xã tiếp nhận được giải quyết đúng hạn	Hồ sơ	12.641	Giải quyết đúng hạn 12,641/12,653 hồ sơ, 12 hồ sơ trễ hạn do lỗi phần mềm
IV	Cải cách tổ chức bộ máy hành chính nhà nước			
1	Cơ cấu tổ chức bộ máy			
	Số phòng ban chuyên môn thuộc UBND cấp huyện	Cơ quan, đơn vị	12	
	Số đơn vị SNCL thuộc UBND cấp huyện	Cơ quan, đơn vị	40	40 đơn vị (gồm: 02 ĐVSN trực thuộc UBND huyện, 01 sự nghiệp ĐBXH trực thuộc Phòng Lao động và 37 trường học)
	Số phòng ban trong đơn vị SNCL thuộc UBND cấp huyện	Cơ quan, đơn vị	12	

	Số lượng phòng ban chuyên môn thuộc UBND cấp huyện được cắt giảm trong năm	Cơ quan, đơn vị	0	
	Số lượng đơn vị SNCL đã cắt giảm trong năm	Cơ quan, đơn vị	3	ghép 02 trường và 01 trung tâm
	Số lượng phòng ban trong đơn vị SNCL đã cắt giảm trong năm	Cơ quan, đơn vị	0	
2	Số liệu về biên chế công chức		78	
	Tổng số biên chế được giao trong năm	Người	85	
	Tổng số biên chế có mặt tại thời điểm báo cáo	Người	78	
	Số hợp đồng lao động làm việc tại cơ quan hành chính nhà nước	Người	0	
	Số biên chế đã tinh giản trong kỳ báo cáo	Người		
	Tỷ lệ phần trăm biên chế đã tinh giản trong năm so với kế hoạch	%		
3	Số người làm việc hưởng lương từ NSNN tại các đơn vị sự nghiệp công lập			
	Tổng số người làm việc được giao	Người	1.325	
	Tổng số người làm việc có mặt	Người	1.228	
	Số người đã tinh giản trong kỳ báo cáo	Người	13	
	Tỷ lệ % đã tinh giản so với kế hoạch năm	%		
4	Số người làm việc tại các đơn vị sự nghiệp công lập tự chủ hoàn toàn		12	
	Tổng số người làm việc được phê duyệt	Người	12	
	Tổng số người làm việc có mặt	Người	12	
5	Số liệu về lãnh đạo		74	Kể cả Giáo Dục
	Số lượng lãnh đạo UBND cấp huyện	Người	3	
	Số lượng lãnh đạo cấp phòng và tương đương	Người	28	
	Số lượng lãnh đạo các đơn vị trực thuộc UBND cấp huyện	Người	74	
	Số lượng lãnh đạo UBND cấp xã	Người	27	
6	Kiểm tra việc thực hiện nhiệm vụ phân cấp quản lý nhà nước			

	Số UBND cấp xã đã kiểm tra	Cơ quan, đơn vị	13	
	Số vấn đề phát hiện qua kiểm tra	Vấn đề	62	
	Số vấn đề phát hiện đã xử lý xong	Vấn đề	62	
7	Hoạt động thanh tra cấp huyện			
	Số đơn vị thuộc và trực thuộc UBND cấp huyện đã thanh tra	Cơ quan, đơn vị	5	Quyết định số 4811/QĐ-UBND ngày 06/12/2021 của Ủy ban nhân dân huyện Mỹ Tú phê duyệt Kế hoạch thanh tra năm 2022
	Số UBND cấp xã đã thanh tra	Cơ quan, đơn vị	5	
	Số vấn đề phát hiện qua thanh tra	Vấn đề	2	
	Số vấn đề phát hiện đã xử lý xong	Vấn đề	2	
V	Cải cách chế độ công vụ			
1	Vị trí việc làm của công chức, viên chức			
	Cơ quan, đơn vị đã được phê duyệt vị trí việc làm theo quy định	Có = 1 Không = 0	1	
	Cơ quan, đơn vị đã thực hiện rà soát, hoàn chỉnh bản mô tả vị trí việc làm, khung năng lực công chức, viên chức theo chức năng, nhiệm vụ hiện hành và gửi về Sở Nội vụ	Có = 1 Không = 0	1	
2	Tuyển dụng công chức, viên chức		2	
	Số công chức được tuyển dụng (thi tuyển, xét tuyển)	Người	2	
	Số công chức được tuyển dụng theo trường hợp đặc biệt.	Người	2	
	Số cán bộ, công chức cấp xã được xét chuyển thành công chức cấp huyện trở lên.	Người	7	
	Số viên chức được tuyển dụng (thi tuyển, xét tuyển).	Người	35	
	Số viên chức được tuyển dụng theo trường hợp đặc biệt.	Người	0	
3	Số liệu về bổ nhiệm công chức lãnh đạo			

		Đã thực hiện = 1 Chưa thực hiện = 0	0	
	Thực hiện tuyển chọn, bổ nhiệm lãnh đạo qua thi tuyển			
	Số lãnh đạo UBND cấp huyện được bổ nhiệm mới	Người	0	
	Số lãnh đạo cấp phòng chuyên môn thuộc UBND cấp huyện được bổ nhiệm mới	Người	4	
	Số lãnh đạo UBND cấp xã được bổ nhiệm mới	Người	6	
4	Công tác đào tạo, bồi dưỡng		437	
	Số người được đào tạo, bồi dưỡng theo Kế hoạch	Người	437	
	Số người đã được đào tạo, bồi dưỡng thực tế	Người	437	
5	Định kỳ chuyển đổi vị trí công tác		3	
	Chỉ tiêu chuyển đổi theo quy định	Người	3	
	Kết quả thực hiện thực tế	Người	3	
6	Số liệu về xử lý kỷ luật cán bộ, công chức, viên chức (cả về Đảng và chính quyền).		1	
	Số lãnh đạo UBND cấp huyện bị kỷ luật.	Người	0	
	Số lãnh đạo cấp phòng và tương đương thuộc UBND cấp huyện bị kỷ luật.	Người	0	
	Số công chức chuyên môn, không giữ chức vụ lãnh đạo, quản lý thuộc UBND cấp huyện bị kỷ luật.	Người	0	
	Số người làm việc tại các đơn vị SNCL bị kỷ luật.	Người	1	
	- Trong đơn vị SNCL tự chủ hoàn toàn	Người	0	
	- Trong đơn vị SNCL tự chủ một phần	Người	0	
	- Trong đơn vị SNCL do ngân sách nhà nước đảm bảo	Người	0	
	Số cán bộ cấp xã bị kỷ luật	Người	0	
	Số công chức cấp xã bị kỷ luật	Người	0	
VI	Cải cách tài chính công			

1	UBND cấp huyện thực hiện cơ chế tự chủ theo quy định	Có = 1 Không = 0	1	
2	Số tổ chức hành chính trực thực hiện cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm về quản lý kinh phí hành chính	Cơ quan, đơn vị	28	24 đơn vị (Phòng chuyên môn 12, UBND cấp xã, thị trấn là 9, khối đảng đoàn thể 7)
3	Số lượng đơn vị sự nghiệp công lập (SNCL) thực hiện cơ chế tự chủ		41	41 đơn vị (gồm: 02 ĐVSN trực thuộc UBND huyện, 01 sự nghiệp ĐBXH trực thuộc Phòng Lao động và 37 trường học, 01 Ban QLDA)
	Số đơn vị SNCL đã thực hiện tự chủ 100% chi thường xuyên và chi đầu tư (lũy kế đến thời điểm báo cáo)	Cơ quan, đơn vị	1	1 đơn vị (Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng)
	Số đơn vị SNCL đã thực hiện tự chủ 100% chi thường xuyên (lũy kế đến thời điểm báo cáo)	Cơ quan, đơn vị	1	
	Số đơn vị SNCL đã thực hiện tự chủ một phần chi thường xuyên (lũy kế đến thời điểm báo cáo)	Cơ quan, đơn vị	0	
	Số đơn vị SNCL do nhà nước đảm bảo 100% chi thường xuyên (lũy kế đến thời điểm báo cáo)	Cơ quan, đơn vị	40	40 đơn vị (gồm: 02 ĐVSN trực thuộc UBND huyện, 01 sự nghiệp ĐBXH trực thuộc Phòng Lao động và 37 trường học)
VII	Xây dựng và phát triển Chính quyền điện tử, Chính quyền số			
1	Ban hành kế hoạch phát triển chính quyền số, ứng dụng CNTT	Không = 0; Có = 1	1	- Kế hoạch số 35/KH-UBND ngày 10/03/2022 của Ủy ban nhân dân huyện Mỹ Tú về Ứng dụng công nghệ thông tin năm 2022.
2	Bố trí công chức, viên chức chuyên trách CNTT	Người	1	
3	Tham gia Hệ thống hợp trực tuyến của tỉnh		1	

	Liên thông từ UBND tỉnh đến UBND cấp huyện	Có = 1 Không = 0	1	
	Liên thông từ UBND tỉnh đến UBND cấp xã.	Có = 1 Không = 0	1	
4	Số liệu về trao đổi văn bản điện tử			
	Thực hiện kết nối, liên thông các Hệ thống quản lý văn bản điều hành:			
	- UBND cấp huyện đã kết nối, liên thông với UBND tỉnh	Có = 1 Không = 0	1	
	- Số lượng UBND cấp xã đã kết nối, liên thông với UBND huyện.	Đơn vị	9	
	Tổng số văn bản đi tại UBND cấp huyện	Văn bản	2.382	
	- Số lượng văn bản được gửi hoàn toàn dưới dạng điện tử (Sử dụng chữ ký số, chứng thư số và gửi trên môi trường điện tử). và gửi trên môi trường điện tử).	Văn bản	840	
	- Số lượng văn bản được gửi hoàn toàn dưới dạng điện tử và song song với văn bản giấy	Văn bản	2.382	
	Tổng số văn bản đi tại UBND cấp xã	Văn bản	358	
	- Số lượng văn bản được gửi hoàn toàn dưới dạng điện tử (Sử dụng chữ ký số, chứng thư số và gửi trên môi trường điện tử).	Văn bản	115	
	- Số lượng văn bản được gửi hoàn toàn dưới dạng điện tử và song song với văn bản giấy	Văn bản	358	
5	Vận hành Hệ thống thông tin một cửa điện tử tập trung của tỉnh			
	UBND cấp huyện đã kết nối liên thông với Hệ thống	Có = 1 Không = 0	1	
	Số lượng đơn vị cấp xã đã kết nối liên thông với Hệ thống	Đơn vị	9	
6	Dịch vụ công trực tuyến mức độ 3, 4		141	
	Dịch vụ công trực tuyến mức độ 3		83	
	- Tổng số TTHC đủ điều kiện cung cấp trực tuyến mức độ 3	TTHC	83	

	- Số TTHC đang cung cấp trực tuyến mức độ 3	TTHC	83	
	- Số TTHC đang cung cấp trực tuyến mức độ 3 có phát sinh hồ sơ nộp trực tuyến	TTHC	26	
	Dịch vụ công trực tuyến mức độ 4	TTHC		
	- Tổng số TTHC đủ điều kiện cung cấp trực tuyến mức độ 4	TTHC	100	
	- Số TTHC đang cung cấp trực tuyến mức độ 4	TTHC	100	
	- Số TTHC đang cung cấp trực tuyến mức độ 4 có phát sinh hồ sơ nộp trực tuyến	TTHC	48	
	Số TTHC cung cấp trực tuyến mức độ 3 và mức độ 4 đã tích hợp, công khai trên Cổng Dịch vụ công Quốc gia	TTHC	228	
	Tổng số hồ sơ TTHC đã tiếp nhận (cả trực tiếp và trực tuyến đối với các TTHC đã cung cấp trực tuyến mức độ 3 và 4 có phát sinh hồ sơ)	TTHC	7.971	
	Số lượng hồ sơ TTHC được tiếp nhận trực tuyến mức độ 3 và 4 (Chỉ thống kê đối với các TTHC mức độ 3 và 4 có phát sinh hồ sơ)	TTHC	74	
	Tổng số TTHC có yêu cầu nghĩa vụ tài chính (tất cả các TTHC có phát sinh phí, lệ phí,...)	TTHC	0	
	Số TTHC đã được tích hợp, triển khai thanh toán trực tuyến trên Cổng DVC Quốc gia hoặc trên Cổng DVC của tỉnh	TTHC	46	
	Sử dụng phần mềm theo dõi, đôn đốc, kiểm tra việc thực hiện nhiệm vụ của UBND tỉnh giao	Có = 1; Không = 0	0	
	Số lượng công chức, viên chức có tài khoản thư điện tử chính thức	Người	268	
	Tổng số lượng lãnh đạo được cấp chứng thư số	Người	58	
	Số lượng lãnh đạo UBND cấp huyện được cấp chứng thư số	Người	3	

	Số lượng lãnh đạo UBND cấp xã được cấp chứng thư số	Người	25	
	Số lượng lãnh đạo phòng chuyên môn thuộc UBND cấp huyện được cấp chứng thư số	Người	33	
	Triển khai các ứng dụng số khác như: Quản lý nhân sự, Quản lý tài chính – Kế toán, Quản lý Thi đua – Khen thưởng, Quản lý tài sản	Số lượng phần mềm	1	
7	Dịch vụ bưu chính công ích (BCCI)		24.263	
8	UBND cấp huyện		24.174	
9	- Số lượng TTHC đã công bố triển khai dịch vụ (BCCI)	TTHC	274	
	- Tổng số TTHC thực tế được tiếp nhận qua dịch vụ BCCI	TTHC	24.174	
	- Tổng số TTHC thực tế được trả kết quả qua dịch vụ BCCI	TTHC	24.174	
	- Tổng số hồ sơ thực tế được tiếp nhận qua dịch vụ BCCI	Hồ sơ	24.174	
10	- Tổng số hồ sơ thực tế được trả kết quả qua dịch vụ BCCI	Hồ sơ	24.174	
11	UBND cấp xã		89	
	- Số lượng TTHC đã công bố triển khai dịch vụ (BCCI)	TTHC	89	
	- Tổng số TTHC thực tế được tiếp nhận qua dịch vụ BCCI	TTHC	89	
	- Tổng số TTHC thực tế được trả kết quả qua dịch vụ BCCI	TTHC	89	
	- Tổng số hồ sơ thực tế được tiếp nhận qua dịch vụ BCCI	Hồ sơ	89	
	- Tổng số hồ sơ thực tế được trả kết quả qua dịch vụ BCCI	Hồ sơ	89	
12	Áp dụng ISO trong hoạt động			Kế hoạch số 06/KH-UBND ngày 13/01/2022 về cải tiến và duy trì Hệ thống quản lý chất lượng theo Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2015 tại UBND huyện Mỹ Tú năm 2023

	Số lượng đơn vị thuộc, trực thuộc thực hiện công bố, công bố lại ISO	Có = 1 Không = 0	1	Quyết định số 5503/QĐ-UBND ngày 31/12/2021
	Số lượng đơn vị thuộc, trực thuộc thực hiện đánh giá nội bộ	Có = 1 Không = 0	1	
	Số lượng đơn vị thuộc, trực thuộc thực hiện xem xét của lãnh đạo đối với hệ thống quản lý chất lượng	Có = 1 Không = 0	1	
	Số UBND cấp xã thực hiện công bố, công bố lại ISO	Cơ quan, đơn vị	9	Trên địa bàn huyện có 8 xã, 01 thị trấn điều công bố lại ISO
	Số UBND cấp xã thực hiện đánh giá nội bộ	Cơ quan, đơn vị	9	
	Số UBND cấp xã xem xét của lãnh đạo đối với hệ thống QLCL	Cơ quan, đơn vị	9	